THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI SÁNG

**Số 4**

*Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2018*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Huy) | 10A2 (Hoang Anh) | 10A3 (Đ.Ngọc) | 10A4 (N.Thủy) | 10B1 (Chi_Van) | 10B2 (Lâm) | 10B3 (Hà_Hóa) | 10B4 (Dũng_AV) | 10B5 (Hường) | 10B6 (Oanh) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | ChCờ - Huy | ChCờ - Hoang Anh | ChCờ - Đ.Ngọc | ChCờ - N.Thủy | ChCờ - Chi_Van | ChCờ - Lâm | ChCờ - Hà_Hóa | ChCờ - Dũng_AV | ChCờ - Hường | ChCờ - Oanh |
| | 2 | SHL - Huy | SHL - Hoang Anh | SHL - Đ.Ngọc | SHL - N.Thủy | SHL - Chi_Van | SHL - Lâm | SHL - Hà_Hóa | SHL - Dũng_AV | SHL - Hường | SHL - Oanh |
| | 3 | Địa - Tiến | Anh - Hoang Anh | Lí - Tòng | Sinh - Đ.Ngọc | Hóa - Trang_Hóa | Toán - Lâm | Toán - Thái_HT | Lí - Sâm_Lý | Toán - N.Thủy | CNghệ - K.Anh |
| | 4 | Lí - Tòng | Sử - Nhung_Sử | Anh - Hoang Anh | Văn - Lan | Toán - Huy | Địa - H.Tuấn | Toán - Thái_HT | Anh - Dũng_AV | Toán - N.Thủy | Toán - Lâm |
| | 5 | Toán - Huy | Địa - Tiến | Sử - Lương | Toán - N.Thủy | CNghệ - Tâm_Sinh | CNghệ - K.Anh | Sử - Nhung_Sử | Anh - Dũng_AV | Anh - Chi_AV | Toán - Lâm |
| 3 | 1 | CNghệ - Q.Châu | GDCD - Nhi_GDCD | Toán - Dần | Lí - Dũng_VL | Toán - Huy | Lí - H.Châu | Hóa - Hà_Hóa | Toán - Trang_Toán | Văn - Hường | Lí - Chi_KTCN |
| | 2 | Hóa - B.Tâm | Văn - Lan | Toán - Dần | Địa - Tiến | Toán - Huy | Sử - Lương | Địa - H.Tuấn | CNghệ - K.Anh | Văn - Hường | Địa - Hner |
| | 3 | Toán - Huy | Toán - Dần | Địa - Tiến | Văn - Lan | Văn - Chi_Van | Anh - Phong | Văn - Huệ | Sinh - Thúy | Địa - Hner | Văn - Thùy |
| | 4 | Toán - Huy | Toán - Dần | Hóa - B.Tâm | Văn - Lan | Sinh - Thúy | GDCD - Nhi_GDCD | Văn - Huệ | Anh - Dũng_AV | Lí - H.Châu | Văn - Thùy |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Toán - Huy | Lí - Hào | Toán - Dần | CNghệ - Tâm_Sinh | Anh - Phong | Toán - Lâm | Anh - Hoa | Văn - Thùy | Sử - Nhung_Sử | Lí - Chi_KTCN |
| | 2 | Toán - Huy | Anh - Hoang Anh | Toán - Dần | Hóa - L.Hoàng | Văn - Chi_Van | Toán - Lâm | Địa - H.Tuấn | Văn - Thùy | Sinh - Thúy | GDCD - Nhi_GDCD |
| | 3 | Sinh - Thúy | Anh - Hoang Anh | Lí - Tòng | Địa - Tiến | Toán - Huy | Hóa - Trang_Hóa | CNghệ - K.Anh | Sử - Nhung_Sử | GDCD - Nhi_GDCD | Toán - Lâm |
| | 4 | Lí - Tòng | Địa - Tiến | Hóa - B.Tâm | Anh - Đạt | Lí - Dũng_VL | Anh - Phong | Sinh - Thúy | GDCD - Nhi_GDCD | CNghệ - K.Anh | Văn - Thùy |
| | 5 | Văn - Huệ | Sinh - Thúy | Văn - Thùy | Anh - Đạt | | | | | | |
| 5 | 1 | Hóa - B.Tâm | Hóa - L.Hoàng | Anh - Hoang Anh | Toán - N.Thủy | Địa - H.Tuấn | Hóa - Trang_Hóa | Anh - Hoa | Toán - Trang_Toán | Hóa - Uyên | Địa - Hner |
| | 2 | Sử - Lương | Lí - Hào | Anh - Hoang Anh | Toán - N.Thủy | Hóa - Trang_Hóa | Địa - H.Tuấn | Văn - Huệ | Toán - Trang_Toán | Lí - H.Châu | Sinh - Thúy |
| | 3 | Anh - Đạt | Toán - Dần | Văn - Thùy | Hóa - L.Hoàng | Anh - Phong | Sinh - Thúy | Toán - Thái_HT | Địa - Hner | Toán - N.Thủy | Hóa - Dung |
| | 4 | Sinh - Thúy | Toán - Dần | Văn - Thùy | Anh - Đạt | Anh - Phong | Lí - H.Châu | Toán - Thái_HT | Hóa - Uyên | Toán - N.Thủy | Sử - Lương |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Hóa - B.Tâm | Toán - Dần | Địa - Tiến | Sinh - Đ.Ngọc | GDCD - Nhi_GDCD | Anh - Phong | Văn - Huệ | Lí - Sâm_Lý | Văn - Hường | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh |
| | 2 | Anh - Đạt | Sinh - Thúy | Sinh - Đ.Ngọc | GDCD - Nhi_GDCD | Sử - Lương | Anh - Phong | Anh - Hoa | Địa - Hner | Hóa - Uyên | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh |
| | 3 | Anh - Đạt | Văn - Lan | GDCD - Nhi_GDCD | Hóa - L.Hoàng | Văn - Chi_Van | Văn - Hường | Anh - Hoa | Toán - Trang_Toán | Lí - H.Châu | Lí - Chi_KTCN |
| | 4 | Văn - Huệ | Văn - Lan | Hóa - B.Tâm | Toán - N.Thủy | Văn - Chi_Van | Văn - Hường | GDCD - Nhi_GDCD | Hóa - Uyên | Anh - Chi_AV | Toán - Lâm |
| | 5 | Văn - Huệ | Hóa - L.Hoàng | Toán - Dần | Toán - N.Thủy | Anh - Phong | Toán - Lâm | Lí - H.Châu | Văn - Thùy | Anh - Chi_AV | Hóa - Dung |
| 7 | 1 | Địa - Tiến | Hóa - L.Hoàng | CNghệ - Q.Châu | Sử - Nhung_Sử | Lí - Dũng_VL | Văn - Hường | Hóa - Hà_Hóa | Lí - Sâm_Lý | Hóa - Uyên | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh |
| | 2 | GDCD - Nhi_GDCD | CNghệ - Q.Châu | Sinh - Đ.Ngọc | Lí - Dũng_VL | Địa - H.Tuấn | Văn - Hường | Lí - H.Châu | Hóa - Uyên | Địa - Hner | Hóa - Dung |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI SÁNG

**Số 4**

*Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2018*

| THỨ | TIẾT | 10B7 (K.Anh) | 10B8 (Thương) | 10B9 (Sâm_Lý) | 11A1 (Yên) | 11A2 (Phú) | 11A3 (Trần Thuỷ) | 11A4 (Hoa) | 11B1 (Chi_AV) | 11B2 (Hằng_AV) | 11B3 (Q.Châu) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | ChCờ - K.Anh | ChCờ - Thương | ChCờ - Sâm_Lý | ChCờ - Yên | ChCờ - Phú | ChCờ - Trần Thuỷ | ChCờ - Hoa | ChCờ - Chi_AV | ChCờ - Hằng_AV | ChCờ - Q.Châu |
| | 2 | SHL - K.Anh | SHL - Thương | SHL - Sâm_Lý | SHL - Yên | SHL - Phú | SHL - Trần Thuỷ | SHL - Hoa | SHL - Chi_AV | SHL - Hằng_AV | SHL - Q.Châu |
| | 3 | Anh - Dũng_AV | Anh - Hằng_AV | Hóa - Hà_Hóa | Lí - Yên | Toán - Phú | Sinh - Cường | Toán - Trần Thuỷ | Anh - Chi_AV | Toán - L.Thủy | Sinh - Q.Châu |
| | 4 | CNghệ - K.Anh | Lí - Lý | Địa - Thương | Sinh - Cường | Toán - Phú | Toán - Trần Thuỷ | Anh - Hoa | Anh - Chi_AV | Toán - L.Thủy | GDCD - Loan |
| | 5 | Sinh - Đ.Ngọc | Hóa - Hà_Hóa | Lí - Sâm_Lý | Toán - Phú | Địa - H.Tuấn | Toán - Trần Thuỷ | Anh - Hoa | Sử - Lộc | Văn - My | Địa - Thương |
| 3 | 1 | Văn - Thùy | CNghệ - K.Anh | Sử - Lương | Toán - Phú | Văn - Huệ | Văn - Mai | Toán - Trần Thuỷ | Văn - M.Hương | Sử - Lộc | Toán - Thái |
| | 2 | Văn - Thùy | Anh - Hằng_AV | Sinh - Thúy | Toán - Phú | Hóa - Đ.Hoàng | Văn - Mai | Toán - Trần Thuỷ | Văn - M.Hương | Hóa - Tánh | Sử - Hải |
| | 3 | Địa - Thương | Anh - Hằng_AV | Hóa - Hà_Hóa | Sử - Hải | Toán - Phú | GDCD - Loan | Sinh - Cường | Sinh - Q.Châu | CNghệ - Hưng | Văn - Mai |
| | 4 | Hóa - Tánh | Hóa - Hà_Hóa | GDCD - Loan | Lí - Yên | Sinh - Cường | Lí - Dũng_VL | Hóa - Đ.Hoàng | CNghệ - Hưng | Anh - Hằng_AV | Văn - Mai |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Toán - Phương | Địa - Thương | CNghệ - K.Anh | Văn - Nhân | Văn - Huệ | Hóa - P.Tâm | Địa - H.Tuấn | Anh - Chi_AV | Anh - Hằng_AV | Văn - Mai |
| | 2 | Toán - Phương | Lí - Lý | Anh - Hằng_AV | Văn - Nhân | Văn - Huệ | Anh - Chi_AV | Anh - Hoa | Toán - Mỹ | Sinh - Q.Châu | Anh - Đạt |
| | 3 | Văn - Thùy | Văn - Huệ | Địa - Thương | Địa - H.Tuấn | Sử - Hải | Lí - Dũng_VL | Văn - Phụng | Toán - Mỹ | Văn - My | Hóa - Tánh |
| | 4 | Lí - Lý | Văn - Huệ | Toán - Phương | Hóa - P.Tâm | Anh - Tình | Sử - Lộc | Lí - Tịch | Hóa - Tánh | Văn - My | Lí - Sơn |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | Toán - Phương | GDCD - Loan | Lí - Sâm_Lý | Văn - Nhân | Văn - Huệ | Anh - Chi_AV | Lí - Tịch | Toán - Mỹ | Toán - L.Thủy | CNghệ - Hưng |
| | 2 | Hóa - Tánh | Sinh - Đ.Ngọc | Toán - Phương | Văn - Nhân | Lí - Tịch | Anh - Chi_AV | GDCD - Loan | Toán - Mỹ | Văn - My | Lí - Sơn |
| | 3 | Sinh - Đ.Ngọc | Sử - Lương | Toán - Phương | Anh - Tình | Toán - Phú | Địa - H.Tuấn | Sử - Lộc | Lí - Tịch | Hóa - Tánh | Toán - Thái |
| | 4 | Lí - Lý | Toán - Phương | Văn - Huệ | Hóa - P.Tâm | Toán - Phú | Văn - Mai | CNghệ - Hưng | Văn - M.Hương | GDCD - Loan | Toán - Thái |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Anh - Dũng_AV | Địa - Thương | Anh - Hằng_AV | CNghệ - Hưng | Lí - Tịch | Hóa - P.Tâm | Toán - Trần Thuỷ | GDCD - Loan | Toán - L.Thủy | Anh - Đạt |
| | 2 | Anh - Dũng_AV | Văn - Huệ | Anh - Hằng_AV | GDCD - Loan | Hóa - Đ.Hoàng | Văn - Mai | Toán - Trần Thuỷ | Lí - Tịch | Toán - L.Thủy | Hóa - Tánh |
| | 3 | Hóa - Tánh | Toán - Phương | Sinh - Thúy | Anh - Tình | GDCD - Loan | CNghệ - Hưng | Hóa - Đ.Hoàng | Anh - Chi_AV | Anh - Hằng_AV | Toán - Thái |
| | 4 | Sử - Lương | Toán - Phương | Hóa - Hà_Hóa | Anh - Tình | CNghệ - Hưng | Toán - Trần Thuỷ | Văn - Phụng | Hóa - Tánh | Địa - Thương | Toán - Thái |
| | 5 | Địa - Thương | Hóa - Hà_Hóa | Toán - Phương | | | | | Toán - Mỹ | Lí - Tịch | Văn - Mai |
| 7 | 1 | Toán - Phương | Sinh - Đ.Ngọc | Văn - Huệ | Toán - Phú | Anh - Tình | Toán - Trần Thuỷ | Văn - Phụng | Địa - Thương | Anh - Hằng_AV | Anh - Đạt |
| | 2 | GDCD - Loan | Toán - Phương | Văn - Huệ | Toán - Phú | Anh - Tình | Toán - Trần Thuỷ | Văn - Phụng | Văn - M.Hương | Lí - Tịch | Anh - Đạt |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI SÁNG

**Số 4**

*Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2018*

| THỨ | TIẾT | 11B4 (M.Hương) | 11B5 (Dung) | 11B6 (Loan) | 11B7 (Nhung_GDCD) | 11B8 (My) | 11B9 (Trang_Hóa) | 11B10 (Tâm_VL) | 11B11 (H.Châu) | 11B12 (K.Hương) | 12A1 (Uyên) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | ChCờ - M.Hương | ChCờ - Dung | ChCờ - Loan | ChCờ - Nhung_GDCD | ChCờ - My | ChCờ - Trang_Hóa | ChCờ - Tâm_VL | ChCờ - H.Châu | ChCờ - K.Hương | ChCờ - Uyên |
| | 2 | SHL - M.Hương | SHL - Dung | SHL - Loan | SHL - Nhung_GDCD | SHL - My | SHL - Trang_Hóa | SHL - Tâm_VL | SHL - H.Châu | SHL - K.Hương | SHL - Uyên |
| | 3 | Văn - M.Hương | Anh - Tâm_AV | Địa - Thương | Sinh - Yến | Anh - Hoa | Địa - H.Tuấn | Văn - Phụng | Toán - Khiết | GDCD - Nhung_GDCD | Văn - Nhân |
| | 4 | Anh - Hằng_AV | Anh - Tâm_AV | Hóa - Dung | Văn - Phụng | Văn - My | Sinh - Yến | GDCD - Nhung_GDCD | Lí - H.Châu | Toán - Khiết | Văn - Nhân |
| | 5 | Anh - Hằng_AV | Hóa - Dung | GDCD - Loan | Văn - Phụng | Hóa - Trang_Hóa | GDCD - Nhung_GDCD | Sinh - Yến | CNghệ - H.Châu | Toán - Khiết | Hóa - Uyên |
| 3 | 1 | Anh - Hằng_AV | Anh - Tâm_AV | Toán - Điệp | Địa - Thương | GDCD - Nhung_GDCD | Sử - Hải | Toán - Mỹ | Địa - H.Tuấn | Anh - Tình | Anh - Phong |
| | 2 | Sinh - Q.Châu | Lí - Sơn | Toán - Điệp | Hóa - Hà_Hóa | Toán - Thái | CNghệ - Chi_KTCN | Toán - Mỹ | Toán - Khiết | Anh - Tình | Anh - Phong |
| | 3 | Hóa - Tánh | CNghệ - Chi_KTCN | Lí - Yên | Toán - Mỹ | Toán - Thái | Toán - Điệp | Anh - Tình | Toán - Khiết | Sinh - K.Hương | Lí - Sơn |
| | 4 | Lí - Sơn | Toán - Khiết | CNghệ - Chi_KTCN | Toán - Mỹ | Sử - Lộc | Toán - Điệp | Anh - Tình | Sinh - K.Hương | Địa - H.Tuấn | Sinh - Lành |
| | 5 | | | | | | | | | | Sử - Hải |
| 4 | 1 | Toán - Điệp | Sinh - Q.Châu | Anh - Hoang Anh | Toán - Mỹ | Văn - My | Hóa - Trang_Hóa | Văn - Phụng | Anh - Tình | Sử - Hải | Sinh - Lành |
| | 2 | Toán - Điệp | Toán - Khiết | Sử - Lộc | Văn - Phụng | Văn - My | Lí - Tịch | Hóa - Trang_Hóa | Anh - Tình | Văn - Mai | Sử - Hải |
| | 3 | Lí - Sơn | Toán - Khiết | Văn - Mai | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh | CNghệ - Chi_KTCN | Toán - Điệp | Lí - Tâm_VL | Sử - Lộc | Anh - Tình | Toán - Dần |
| | 4 | CNghệ - Chi_KTCN | Sử - Hải | Văn - Mai | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh | Địa - H.Tuấn | Toán - Điệp | Toán - Mỹ | Văn - Phụng | Toán - Khiết | Toán - Dần |
| | 5 | | | | | | | | | | Lí - Sơn |
| 5 | 1 | Văn - M.Hương | Văn - Thùy | Hóa - Dung | GDCD - Nhung_GDCD | Toán - Thái | Toán - Điệp | Anh - Tình | Văn - Phụng | Văn - Mai | Toán - Dần |
| | 2 | Văn - M.Hương | Văn - Thùy | Lí - Yên | Lí - Sâm_Lý | Toán - Thái | Anh - Tình | Lí - Tâm_VL | Văn - Phụng | Văn - Mai | Hóa - Uyên |
| | 3 | Toán - Điệp | Lí - Sơn | Anh - Hoang Anh | Toán - Mỹ | Anh - Hoa | Hóa - Trang_Hóa | Văn - Phụng | Lí - H.Châu | Toán - Khiết | GDCD - Nhung_GDCD |
| | 4 | Hóa - Tánh | Anh - Tâm_AV | Toán - Điệp | Toán - Mỹ | Anh - Hoa | Lí - Tịch | Văn - Phụng | Anh - Tình | Toán - Khiết | Lí - Sơn |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Sử - Hải | Văn - Thùy | Toán - Điệp | Hóa - Hà_Hóa | Văn - My | Anh - Tình | CNghệ - Chi_KTCN | Văn - Phụng | Văn - Mai | Văn - Nhân |
| | 2 | Địa - Thương | Văn - Thùy | Toán - Điệp | CNghệ - Chi_KTCN | Toán - Thái | Anh - Tình | Toán - Mỹ | Toán - Khiết | Lí - H.Châu | Toán - Dần |
| | 3 | Toán - Điệp | Hóa - Dung | Văn - Mai | Văn - Phụng | Lí - Sâm_Lý | Văn - Thùy | Toán - Mỹ | Toán - Khiết | Hóa - Hà_Hóa | Toán - Dần |
| | 4 | Toán - Điệp | Toán - Khiết | Văn - Mai | Lí - Sâm_Lý | Sinh - Yến | Văn - Thùy | Sử - Hải | Hóa - Dung | CNghệ - H.Châu | Anh - Phong |
| | 5 | GDCD - Loan | Toán - Khiết | Sinh - Yến | | | | | | | Hóa - Uyên |
| 7 | 1 | Văn - M.Hương | GDCD - Loan | Anh - Hoang Anh | Sử - Lộc | Hóa - Trang_Hóa | Văn - Thùy | Địa - H.Tuấn | Hóa - Dung | Lí - H.Châu | CNghệ - Tịch |
| | 2 | Anh - Hằng_AV | Địa - Thương | Anh - Hoang Anh | Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh | Lí - Sâm_Lý | Văn - Thùy | Hóa - Trang_Hóa | GDCD - Nhung_GDCD | Hóa - Hà_Hóa | Địa - Tiến |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI SÁNG

**Số 4**

*Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2018*

| THỨ | TIẾT | 12A2 (Nhi_Toan) | 12A3 (Lộc) | 12A4 (Tâm_Sinh) | 12B1 (Lương) | 12B2 (Hner) | 12B3 (Lan) | 12B4 (Đ.Hoàng) | 12B5 (Nhung_Sử) | 12B6 (Lý) | 12B7 (Hào) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | ChCờ - Nhi_Toan | ChCờ - Lộc | ChCờ - Tâm_Sinh | ChCờ - Lương | ChCờ - Hner | ChCờ - Lan | ChCờ - Đ.Hoàng | ChCờ - Nhung_Sử | ChCờ - Lý | ChCờ - Hào |
| | 2 | SHL - Nhi_Toan | SHL - Lộc | SHL - Tâm_Sinh | SHL - Lương | SHL - Hner | SHL - Lan | SHL - Đ.Hoàng | SHL - Nhung_Sử | SHL - Lý | SHL - Hào |
| | 3 | Hóa - Uyên | Sinh - Tâm_Sinh | Văn - Hường | Toán - Tuấn_Toán | Văn - Chi_Van | Văn - Lan | Hóa - Đ.Hoàng | CNghệ - Lý | Sử - Lộc | Sử - Lương |
| | 4 | Toán - Nhi_Toan | Văn - Chi_Van | Văn - Hường | Sử - Lương | Toán - Tuấn_Toán | Lí - Yên | Địa - Hner | Sinh - K.Hương | Anh - Ngân | Lí - Hào |
| | 5 | Toán - Nhi_Toan | Văn - Chi_Van | Lí - Yên | Địa - Hner | Toán - Tuấn_Toán | Hóa - Đ.Hoàng | Sinh - K.Hương | Lí - Lý | Anh - Ngân | Anh - Tâm_AV |
| 3 | 1 | Lí - Sơn | Anh - Hoang Anh | Lí - Yên | Sinh - Lành | CNghệ - Hưng | Văn - Lan | Hóa - Đ.Hoàng | Địa - Hner | Anh - Ngân | Sinh - Tâm_Sinh |
| | 2 | GDCD - Nhung_GDCD | Anh - Hoang Anh | Toán - Trang_Toán | Lí - Dũng_VL | Toán - Tuấn_Toán | Sử - Lộc | Lí - Yên | Sinh - K.Hương | GDCD - Nhi_GDCD | CNghệ - Hưng |
| | 3 | Anh - Hoang Anh | Lí - H.Châu | Sinh - Tâm_Sinh | Hóa - B.Tâm | Lí - Dũng_VL | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Dũng_AV | Văn - M.Hương | Sinh - Lành | Toán - L.Thủy |
| | 4 | Anh - Hoang Anh | GDCD - Nhung_GDCD | Địa - Tiến | Sử - Lương | Sử - Hải | Toán - Tuấn_Toán | Văn - Chi_Van | Văn - M.Hương | Toán - Thái | Anh - Tâm_AV |
| | 5 | Sử - Lương | Sử - Lộc | Văn - Hường | GDCD - Nhung_GDCD | Hóa - Đ.Hoàng | Sinh - K.Hương | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Dũng_AV | Toán - Thái | Anh - Tâm_AV |
| 4 | 1 | Lí - Sơn | Hóa - L.Hoàng | CNghệ - Tịch | Lí - Dũng_VL | Anh - Hồng | Văn - Lan | Văn - Chi_Van | Toán - Thái | Lí - Lý | GDCD - Nhi_GDCD |
| | 2 | Sinh - Lành | Địa - Tiến | Sinh - Tâm_Sinh | Hóa - B.Tâm | Anh - Hồng | Văn - Lan | Toán - Tuấn_Toán | Toán - Thái | Hóa - P.Tâm | Lí - Hào |
| | 3 | Toán - Nhi_Toan | Văn - Chi_Van | GDCD - Nhung_GDCD | Anh - Đạt | Sinh - Lành | Anh - Hoa | Toán - Tuấn_Toán | Hóa - P.Tâm | Văn - Lan | Văn - Nhân |
| | 4 | Toán - Nhi_Toan | Anh - Hoang Anh | Hóa - L.Hoàng | Toán - Tuấn_Toán | GDCD - Nhung_GDCD | Anh - Hoa | Sinh - K.Hương | Sử - Nhung_Sử | Toán - Thái | Văn - Nhân |
| | 5 | CNghệ - Tịch | Toán - Nhi_Toan | Sử - Nhung_Sử | Toán - Tuấn_Toán | Lí - Dũng_VL | Sinh - K.Hương | Sử - Lộc | Lí - Lý | Toán - Thái | Hóa - P.Tâm |
| 5 | 1 | Lí - Sơn | Lí - H.Châu | Anh - Phong | Anh - Đạt | Sinh - Lành | Sử - Lộc | CNghệ - Yên | Hóa - P.Tâm | Lí - Lý | Lí - Hào |
| | 2 | Toán - Nhi_Toan | Hóa - L.Hoàng | Anh - Phong | Anh - Đạt | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Hoa | Sử - Lộc | Lí - Lý | Sinh - Lành | Hóa - P.Tâm |
| | 3 | Hóa - Uyên | Toán - Nhi_Toan | Toán - Trang_Toán | Văn - Nhân | Toán - Tuấn_Toán | Lí - Yên | GDCD - Nhi_GDCD | Văn - M.Hương | Hóa - P.Tâm | Toán - L.Thủy |
| | 4 | Anh - Hoang Anh | Toán - Nhi_Toan | Toán - Trang_Toán | Văn - Nhân | Địa - Hner | Toán - Tuấn_Toán | Lí - Yên | GDCD - Nhi_GDCD | Sử - Lộc | Toán - L.Thủy |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Hóa - Uyên | Lí - H.Châu | Toán - Trang_Toán | Sinh - Lành | Hóa - Đ.Hoàng | Địa - Hner | Văn - Chi_Van | Toán - Thái | Văn - Lan | Sử - Lương |
| | 2 | Sinh - Lành | Hóa - L.Hoàng | Toán - Trang_Toán | CNghệ - Hưng | Sử - Hải | Toán - Tuấn_Toán | Văn - Chi_Van | Hóa - P.Tâm | Văn - Lan | Văn - Nhân |
| | 3 | Văn - My | CNghệ - Tịch | Anh - Phong | Văn - Nhân | Anh - Hồng | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Dũng_AV | Sử - Nhung_Sử | Địa - Hner | Toán - L.Thủy |
| | 4 | Địa - Tiến | Toán - Nhi_Toan | Hóa - L.Hoàng | Văn - Nhân | Anh - Hồng | Hóa - Đ.Hoàng | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Dũng_AV | Hóa - P.Tâm | Toán - L.Thủy |
| | 5 | Sử - Lương | Toán - Nhi_Toan | Sử - Nhung_Sử | Anh - Đạt | Văn - Chi_Van | Anh - Hoa | Toán - Tuấn_Toán | Anh - Dũng_AV | Toán - Thái | Hóa - P.Tâm |
| 7 | 1 | Văn - My | Sinh - Tâm_Sinh | Lí - Yên | Toán - Tuấn_Toán | Văn - Chi_Van | GDCD - Nhung_GDCD | Anh - Dũng_AV | Toán - Thái | Lí - Lý | Địa - Hner |
| | 2 | Văn - My | Sử - Lộc | Hóa - L.Hoàng | Toán - Tuấn_Toán | Văn - Chi_Van | CNghệ - Yên | Anh - Dũng_AV | Toán - Thái | CNghệ - Lý | Sinh - Tâm_Sinh |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI SÁNG

**Số 4**

*Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2018*

| THỨ | TIẾT | 12B8 (Tâm_AV) | 12B9 (Thành) | 12B10 (Giang) | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | ChCờ - Tâm_AV | ChCờ - Thành | ChCờ - Giang | | | | | | | |
| | 2 | SHL - Tâm_AV | SHL - Thành | SHL - Giang | | | | | | | |
| | 3 | Lí - Hào | Toán - Thành | Văn - My | | | | | | | |
| | 4 | Văn - M.Hương | Địa - Tiến | Lí - Tâm_VL | | | | | | | |
| | 5 | Văn - M.Hương | Văn - Hường | Toán - L.Thủy | | | | | | | |
| 3 | 1 | Hóa - B.Tâm | Toán - Thành | Toán - L.Thủy | | | | | | | |
| | 2 | Anh - Tâm_AV | Toán - Thành | Toán - L.Thủy | | | | | | | |
| | 3 | Anh - Tâm_AV | Văn - Hường | GDCD - Nhi_GDCD | | | | | | | |
| | 4 | Toán - Thành | Văn - Hường | Anh(Pháp) - Giang, Phong | | | | | | | |
| | 5 | Văn - M.Hương | CNghệ - Hưng | Anh(Pháp) - Giang, Phong | | | | | | | |
| 4 | 1 | Toán - Thành | Hóa - B.Tâm | Địa - Tiến | | | | | | | |
| | 2 | Toán - Thành | Sử - Nhung_Sử | Anh(Pháp) - Giang, Phong | | | | | | | |
| | 3 | Hóa - B.Tâm | Sinh - Thành_Sinh | Anh(Pháp) - Giang, Phong | | | | | | | |
| | 4 | Lí - Hào | Lí - Tâm_VL | Sinh - Thành_Sinh | | | | | | | |
| | 5 | Sinh - Thành_Sinh | Lí - Tâm_VL | Sử - Hải | | | | | | | |
| 5 | 1 | GDCD - Nhi_GDCD | Anh - Tâm_AV | Văn - My | | | | | | | |
| | 2 | Hóa - B.Tâm | Anh - Tâm_AV | CNghệ - Hưng | | | | | | | |
| | 3 | CNghệ - Hưng | Hóa - B.Tâm | Lí - Tâm_VL | | | | | | | |
| | 4 | Lí - Hào | Lí - Tâm_VL | Hóa - L.Hoàng | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | Toán - Thành | Sử - Nhung_Sử | Hóa - L.Hoàng | | | | | | | |
| | 2 | Toán - Thành | Hóa - B.Tâm | Sinh - Thành_Sinh | | | | | | | |
| | 3 | Địa - Tiến | Sinh - Thành_Sinh | Sử - Hải | | | | | | | |
| | 4 | Sử - Nhung_Sử | Toán - Thành | Văn - My | | | | | | | |
| | 5 | Sinh - Thành_Sinh | Toán - Thành | Văn - My | | | | | | | |
| 7 | 1 | Anh - Tâm_AV | GDCD - Nhi_GDCD | Toán - L.Thủy | | | | | | | |
| | 2 | Sử - Nhung_Sử | Anh - Tâm_AV | Toán - L.Thủy | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |